TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hồng Ánh

2. Ông Nguyễn Việt Tú

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đàm Quang T, sinh năm: 1950

Nơi cư trú: Khu dân cư H, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị A, sinh năm: 1973

Nơi ĐKHKTT: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 98, đường Đ, khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

(Ông T, bà A đều có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đàm Quang T trình bày: Ông và bà Hoàng Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2021 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chung sống không có hạnh phúc, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, kể từ ngày 20/6/2021 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà A.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Ông T xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, Tại bản tự khai ngày 23/6/2022 bị đơn bà Hoàng Thị A trình bày: Bà và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2021 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay ông T xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Bà A xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

3, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã S ngày 20/5/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Ông T bà A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/3/2021 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn ông T bà A chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bà mâu thuẫn với nhau về ý ăn ý ở trong cuộc sống hàng ngày. Từ tháng 6 năm 2021 ông T chuyển về quê ở thành phố C, tỉnh Hải Dương ở còn bà A thì đi làm ăn ở tỉnh Bình Phước, từ đó ông T không quay về chung sống cùng bà A nữa. Nay ông T xin ly hôn bà A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của

Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đàm Quang T được ly hôn bà Hoàng Thị A.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Ông T, bà A đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đàm Quang T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà A có hộ khẩu thường trú tại khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ và bà A có quan điểm nhất trí để Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết việc ly hôn của ông T và bà. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ông T, bà A đều có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, □iều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa ông T và bà A là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 08/3/2021 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà A đã có vết rạn nứt, ông T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chung sống không có hạnh phúc, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, kể từ ngày 20/6/2021 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn nên ông xin được ly hôn với bà A. Phía bà A cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay ông T xin ly hôn bà đồng ý. Ngày 20/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của ông T và bà A được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn ông T, bà A chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bà mâu thuẫn với nhau về ý ăn ý ở trong cuộc sống hàng ngày. Từ tháng 6 năm 2021 ông T chuyển về quê ở thành phố C, tỉnh Hải Dương ở còn bà A thì đi làm ăn ở tỉnh Bình Phước, từ đó ông T không quay về chung sống cùng bà A nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông T và bà A đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho ông T được ly hôn bà A là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung; Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Ông T và bà A đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Đàm Quang T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đàm Quang T được ly hôn bà Hoàng Thị A.

[2]. Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Ông T, bà A đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đàm Quang T.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã S;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền